

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 6 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Chiếu**
2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Bảo Tr**, sinh năm 2001; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Phương B**, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Bảo Tr trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ ngày 20/9/2017 âm lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh B đã ly thân từ ngày 31/7/2019 đến nay do sống chung không hợp nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có một người con chung là Trương Gia P, sinh ngày 28/7/2018, hiện đang sống với anh B. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trương Phương B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với lời khai của chị Tr về thời gian sống chung và không đăng ký kết hôn. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Tr có một người con chung như chị Tr trình bày là đúng. Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị Tr và anh B tự nguyện chung sống như vợ chồng từ ngày 20/9/2017 âm lịch, không đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Tr và anh B là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị Tr và anh B là vợ chồng.

+ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Tr và anh B, giao cháu Trương Gia P, sinh ngày 28/7/2018 cho anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Tr có quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B, anh B đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị Tr và anh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị Tr và anh B là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị Tr và anh B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị Tr và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 20/9/2017 âm lịch và đã có con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị Tr và anh B là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa

vợ chồng. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận chị Tr và anh B là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Tr và anh B thống nhất có một người con chung là Trương Gia P, sinh ngày 28/7/2018, hiện đang sống chung với anh B và thống nhất giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy thỏa thuận của chị Tr và anh B là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Tr và anh B: Giao cháu Trương Gia P, sinh ngày 28/7/2018 cho anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Anh B không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Tr và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 14, 15, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Bảo Tr và anh Trương Phương B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Gia P, sinh ngày 28/7/2018 cho anh Trương Phương B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lê Thị Bảo Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Trương Phương B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Lê Thị Bảo Tr và anh Trương Phương B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Bảo Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Tr đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004679 ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trương Phương B không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly